

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị thực hiện đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/2/2022 về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-HĐTVCSLN ngày 02/11/2022 Về việc phê duyệt phê duyệt giá và phương thức bán tài sản cố định, vật tư thiết bị, xe máy hết hạn sử dụng.

Nay Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản với các nội dung sau:

1. Đơn vị có tài sản: Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh

Địa chỉ: KP Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Ông **Phan Tấn Hải**

- Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: 0271.3568381

2. Thông tin về tài sản đấu giá

a. Tên gói thầu:

- Gói thầu số 01: Thiết bị thanh lý.

Hàng hóa thanh lý gồm: 5 máy phát điện cũ, không sử dụng được.

(chi tiết phụ lục 1).

- Gói thầu số 2: Hàng hóa thanh lý gồm:

+ Vật tư, thiết bị, xe máy thanh lý cũ, hư hỏng không sử dụng được.

(chi tiết phụ lục 2).

+ Phế liệu, vật tư thu hồi thanh lý, không sử dụng được.

(chi tiết phụ lục 3).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 4, Điều 56, Luật đấu giá năm 2016 và các tiêu chí do Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh quyết định. Cụ thể như sau:

a) Cơ sở vật chất: Tổ chức đấu giá có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện đấu giá tài sản. Có Hội trường đấu giá từ 50 ghế ngồi trở lên đủ để phục vụ đấu giá, có tài khoản riêng mở tại Ngân hàng.

b) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả: Tổ chức đấu giá có phương án thực hiện cuộc đấu giá khả thi, hiệu quả, đảm bảo tỷ lệ đấu giá thành công cao nhất.

c) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản

- Tổ chức đấu giá tài sản được thành lập theo đúng quy định của pháp luật;

- Tối thiểu có từ 02 Đấu giá viên có kinh nghiệm đấu giá từ 03 năm trở lên;

d) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp: Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020

của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của bộ trưởng bộ tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại luật đấu giá tài sản và Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

- e) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá do Bộ Tư pháp công bố.
- f) Thực hiện đúng các trình tự, thủ tục về đấu giá tài sản.
- g) Tổ chức đấu giá có trụ sở chính đặt tại tỉnh Bình Dương hoặc tỉnh Bình Phước.
- h) Tổ chức đấu giá có trụ sở chính thuộc sở hữu của một trong các thành viên hợp danh.
- i) Trong thời gian 02 năm (năm 2021, 2022) đã ký kết và tổ chức đấu giá thành công tài sản của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

4. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản

- Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

- Hình thức tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp tại Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

5. Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

- Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập tổ chức đấu giá (Bản sao);

- Phương án đấu giá (Bản chính).

- 03 Hợp đồng đấu giá có giá trị lớn trong thời gian gần đây (Bản sao).

- 03 hồ sơ đấu giá viên (Bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề đấu giá hoặc thẻ đấu giá viên).

- Quyết định công bố danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- 01 Thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Thời gian mở hồ sơ tham dự lựa chọn tổ chức đấu giá vào lúc: 10 giờ 30 phút, ngày 20/12/2022 tại Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh thông báo để các tổ chức đấu giá được biết để đăng ký thực hiện theo quy định. Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Kế hoạch Đầu tư

- Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, KSV;
- Ban TGD;
- VP công ty (công bố thông tin);
- Hội đồng TLTSĐD;
- Lưu: VT, KII-ĐT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Tấn Hải

PHỤC LỤC 1: THIẾT BỊ THANH LÝ

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	TRỌNG LƯỢNG ƯỚC TÍNH (KG)	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	THÀNH TIỀN (ĐỒNG)
01	Máy phát điện liên xô 315	Bộ	01	7.400	7.333	54,264,200
02	Máy phát điện liên xô 400	Bộ	01	8.100	7.333	59,397,300
03	Máy phát điện caterpillar 500	Bộ	01	5.100	7.333	37,398,300
04	Máy phát điện liên xô 60KVA	Bộ	01	900	7.333	59,397,300
05	Máy phát điện Dzima 404 KW	Bộ	01	4.400	7.333	32,265,200
TỔNG				18.500		242.722.300
LÀM TRÒN						242.722.000

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng).



PHỤC LỤC 2: VẬT TƯ, THIẾT BỊ, XE MÁY THANH LÝ

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG ƯỚC TÍNH (KG)	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	THÀNH TIỀN (ĐỒNG)
01	Máy tiện lớn, máy khoan điện đứng	Cái	02	2.090	7.333	11,219,490
02	Vật tư, công cụ, tài sản thanh lý (Mục I->V)			2.810	7.333	20,605,730
I	TRANG THIẾT BỊ VĂN PHÒNG					
	Máy vi tính	Cái	01			
	Bàn làm việc	Cái	02			
	Ghế nệm inox	Cái	40			
II	TRANG THIẾT BỊ XƯỞNG SC					
	Máy bào (2,2-2,8KW)	Cái	01			
	Bàn hàn lưới cưa	Cái	01			
III	VẬT TƯ CÔNG TY CẤP					
	Buơ lon 18 ly	Cái	12			
	Nhà nấu roa tin	Cái	30			
	Taéc kê 57	Cái	07			
	Aéc nhíp	Cái	08			
	Coát bơm nồôuc	Cái	16			
	Buơ lon deân	Con	90			
IV	VẬT TƯ MUA NGOÀI					
	Chữ thập D7	Bộ	01			
	Cục tua hộp số	Cục	01			
	Cuppen thắng tay dưới KM	Bộ	04			
	Da bông sen zin 130	Cái	32			
	Da bông sen zin 57	Miếng	08			

Joint culat Zetoz	Miếng	01			
Joint cuylat Gat	Miếng	10			
Joint cuylat Star	Miếng	01			
Joint cuylat zin 57	Miếng	04			
Joint suppap Toyota	Miếng	02			
Đuôi đèn Gat	Cái	29			
Ống thẳng Toyota	Ống	03			
Phốt bánh Gat 95x130x12	Cái	04			
Phốt bánh zin 57	Cái	07			
Phốt bơm nước Ifa	Cái	01			
Sin ty lam xe ủi	Bộ	01			
Sin trợ lực côn trên Kamaz	Bộ	06			
Sin ty chống	Bộ	01			
Than dể kamaz	Cục	02			
Dây c'roa A48	Sợi	10			
Dây c'roa B58 + B59	Sợi	03			
Dây c'roa F52	Sợi	04			
Dây thẳng tay Huyndai	Sợi	02			
Lọc dầu 23401- 1441p	Cái	03			
Láp ngang cầu trước Ifa	Cây	02			
Mâm trước M1Z-2 cầu	Cái	01			
Mặt bít đuôi cá Ifa	Cái	01			
Nắp bệ dầu về	Cái	03			
Ống bầu hơi Ifa	Ống	02			
Ống nhốt xe Xúc	Ống	01			
Phốt 52 x 72 x 10	Cái	10			
Phốt 70 x 90 x 10	Cái	04			
Ngã tư cacdăng	Bộ	01			
Đồng hồ nước Ifa	Cái	02			

3100
 ÔNG
 TNH
 THÂN
 CAO S
 0C N
 1- T.B

	Đồng hồ báo nhớt	Cái	02			
	Đồng hồ contermet	Cái	01			
	Đuôi cá lớn Huyndai	Cái	01			
	Lọc dầu Isuzu	Cái	11			
V	TRANG THIẾT BỒ					
	Máy phát điện 1,5kw	Cái	01			
	Máy cắt sắt	Cái	01			
	Bơm nén khí	Cái	01			
	Máy mạch 150A	Cái	01			
	Máy hàn VN 250Ap	Cái	01			
	Máy hàn VN 200Ap	Cái	01			
	Máy hàn chạy dầu	Cái	01			
	Máy khoan điện đứng nhỏ	Cái	01			
	Máy in + photo lớn	Cái	01			
	Máy in Brother 7340	Cái	02			
	Moter Delco 3fa 5h	Cái	01			
	Moter di bộ 3 fa 4kw	Cái	01			
	Moter Westinhhouse	Cái	02			
	Moter di bộ 3 fa 2,8 kw	Cái	04			
	Moter Cenepal 3 fa	Cái	01			
	Moter thiết bị điện 4	Cái	01			
	Moter Induction	Cái	01			
	Moter 3 Am 3 fa	Cái	01			
	Moter thiết bị điện 4	Cái	01			
	Moter thiết bị điện 4	Cái	01			
	Moter Induction	Cái	01			
	Moter 3 Am 3 fa	Cái	01			
	Moter thiết bị điện 4	Cái	02			
	Máy khoan điện đứng	Cái	01			

	Máy tiện lớn	Cái	01			
03	Máy kéo bánh hơi MTZ 82 số 3	Xe	01	2.780	7.333	20,385,740
04	Máy kéo bánh hơi MTZ 80 số 1	Xe	01	2.840	7.333	20,825,720
05	Máy kéo nông nghiệp Ford 6600	Xe	01	2.730	7.333	20,019,090
06	Máy kéo bánh hơi MTZ 82 số 2	Xe	01	1.890	7.333	13,859,370
07	Xe U-oat 1318	Xe	01	1.440	7.333	10,559,520
08	Xe U-oat 2064	Xe	01	1.500	7.333	10,999,500
09	Xe U-oat 1840	Xe	01	1.520	7.333	11,146,160
10	Xe U-oat 0083	Xe	01	1.520	7.333	11,146,160
11	Toyota land - cruiser	Xe	01	2.000	7.333	14,666,000
12	Bồn chở mủ (sắt)	Cái	01	680	7.333	4,986,440
13	Bồn chở mủ (sắt)	Cái	01	590	7.333	4,326,470
14	Bồn chở mủ (nhôm)	Cái	01	320	7.333	2,346,560
15	Xe reo lớn 93H 0120	Xe	01	6.130	7.333	44,951,290
16	Nissan 93H 0757	Xe	01	1.260	7.333	9,239,580
17	Xe Huyn dai 15 tấn - Ben 93H - 3297	Xe	01	12.140	7.333	89,022,620
18	Máy đào Kobeko gàu 09	Xe	01	22.780	7.333	167,045,740
19	Xe cuốc PC-100 93XA-0080	Xe	01	11.030	7.333	80,882,990
20	Xe cuốc Komatsu PC220, gàu 09	Xe	01	23.700	7.333	173,792,100
21	Xe cuốc bánh hơi DEAWOO solar 200w	Xe	01	19.400	7.333	142,260,200
22	Xe cuốc, xúc NMLH	Xe	01	10.040	7.333	73,623,320
23	Bồn nhiên liệu số 2	Cái	01	1.890	7.333	13,859,370
24	Bồn nhiên liệu số 1	Cái	01	2.000	7.333	14,666,000
25	Máy phát điện thu hồi (450 f/s)	Cái	01	1.910	7.333	14,006,030

270-C
TỶ
1.1
H VIÊN
U
NH
NH PH

26	Máy cưa CD, R1 máy cày	Cái	01	1.100	7.333	8,066,300
27	Xe cuốc NT8 thu hồi	Xe	01	5.040	7.333	36,958,320
28	Dàn cắt xe ủi	Cái	01	2.860	7.333	20,972,380
29	Xe IFA BKS 9311-3415	Xe	01	2.090	7.333	15,325,970
30	Xe IFA BKS 9311-3432	Xe	01	1.670	7.333	12,246,110
31	Xe IFA BKS 9311-0074	Xe	01	3.830	7.333	28,085,390
32	Xe IFA BKS 9311-0093, Xe IFA BKS 9311-0085	Xe	01	2.360	7.333	17,305,880
33	Xe IFA BKS 9311-0068	Xe	01	2.240	7.333	16,425,920
34	Vật tư Nông nghiệp thu hồi: Móc gốc 9 răng	Cái	01	2.930	7.333	21,485,690
35	Khung lam xe ủi 9 răng	Cái	01	2.120	7.333	15,545,960
36	Bồn sắt	Cái	01	2.470	7.333	18,112,510
37	Bồn sắt nhỏ	Cái	01	1.720	7.333	12,612,760
38	Bồn sắt	Cái	01	2.020	7.333	14,812,660
39	MTZLA-2276	Xe	01	3.010	7.333	22,072,330
40	MTZLA-2250	Xe	01	3.010	7.333	22,072,330
41	Xe Hyundai H-1 Starex cứu thương	Xe	01	2.345	7.333	17,195,885
42	Máy potocopy hiệu ricoh - vự công ty, máy photocopy ricoh FT4470, Máy photocopy Sharp SF2022	Cái	03	125	7.333	500,000
TỔNG				162.790		1.300.237.585
LÀM TRÒN						1.300.237.000

Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm triệu, hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).

PHỤC LỤC 3: SẮT VUN, VẬT TƯ THAY THẾ THANH LÝ

STT	TÊN HÀNG	DVT	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG ƯỚC TÍNH (KG)	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	THÀNH TIỀN (ĐỒNG)
01	Sắt vun, vật tư thu hồi	Lần cân	01	2.090	7.333	15.325.970
02	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLN	Lần cân	01	980	7.333	7.186.340
03	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLN	Lần cân	01	860	7.333	6.306.380
04	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLN	Lần cân	01	860	7.333	6.306.380
05	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLN	Lần cân	01	840	7.333	6.159.720
06	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLN	Lần cân	01	1.940	7.333	14.226.020
07	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLN	Lần cân	01	620	7.333	4.546.460
08	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLN	Lần cân	01	1.220	7.333	8.946.260
09	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLN	Lần cân	01	380	7.333	2.786.540
10	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLH	Lần cân	01	2.090	7.333	15.325.970
11	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLH	Lần cân	01	770	7.333	5.646.410
12	Sắt vun, vật tư thay thế thu hồi NMLH	Lần cân	01	1.780	7.333	13.052.740
13	Chòi sắt NT1, Cột Enten tam giác	Lần cân	01	540	7.333	3.959.820
14	Sắt vun thu hồi	Lần cân	01	1.180	7.333	8.652.940
15	Cầu sắt	Lần cân	01	2.920	7.333	21.412.360
16	Cầu sắt	Lần	01	3.085	7.333	22.622.305

T.INH
ƯỚC

		cân				
17	Cầu sắt	Lần cân	01	2.760	7.333	20.239.080
18	Cầu sắt	Lần cân	01	4.420	7.333	32.411.860
TỔNG				27.245		215.113.555
LÀM TRÒN						215.113.000

(Bằng chữ: Hai trăm mười lăm triệu, một trăm mười ba nghìn đồng).